

Những biến cố liên quan đến sử Việt

Trần Việt Bắc

(Tiếp theo Biển Khơi số 54)

D- Những biến cố tại vùng Việt Bắc thời nhà Nguyễn

1- Sơ lược về bối cảnh lịch sử của miền bắc Việt Nam từ năm 1527 đến 1802.

Từ khi dành lại độc lập từ tay nhà Minh, miền bắc Việt Nam sau 100 năm của một thời thanh bình⁴³ (1427 -1527), bắt đầu xảy ra nhiều biến cố khiến dân tình rất khổ sở, do sự tranh giành quyền hành và ảnh hưởng của các thế lực.

Từ cuối thời nhà Lê sơ (1527) đến khi nhà Nguyễn làm vua (1802), khoảng 275 năm là thời Nam Bắc phân tranh. Miền Bắc Việt Nam đã trải qua nhiều biến cố tang thương dưới thời đại này:

- Khởi đầu từ việc Mạc Đăng Dung làm quyền thần (1521) và cướp ngôi của nhà Lê năm 1527. Các đại thần của nhà Lê không phục tìm cách chống lại để khôi phục nhà Lê, trong số này ông Nguyễn Kim có lực lượng đáng kể nhất. Ông đã lập nên được vương triều Lê ở phía nam tại vùng Thanh Hóa, gọi là Nam triều để chống lại nhà Mạc là Bắc triều, cuộc chiến kéo dài 60 năm (thời này gọi là Nam - Bắc triều, 1527 - 1592).
- Năm 1545, Nguyễn Kim chết vì bị hàng tướng nhà Mạc đầu độc, con rể là Trịnh Kiểm lên nắm binh quyền, uy hiếp vua Lê của Nam triều và nắm toàn quyền binh. Năm 1570, Trịnh Kiểm chết ông được những người kế nhiệm tôn là Thái Vương, từ đây danh từ “*chúa*” được dùng để chỉ tước vương của người nắm quyền họ Trịnh với danh hiệu: “*Phù Lê diệt Mạc*” và Trịnh Tùng (1570-1623) cho xây “*phủ chúa*” để cai trị.
- Khi Trịnh Kiểm lên nắm binh quyền ở Nam triều (1545), vì muốn giữ toàn quyền binh, nên Kiểm đã giết con cả của Nguyễn Kim là Nguyễn Uông. Con thứ là Nguyễn Hoàng xin vào trấn đất Thuận Hóa để tránh bị Trịnh Kiểm hại. Dù Nguyễn Hoàng đã từng mang quân về bắc với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh họ Mạc, nhưng sau đó đã về lại vùng Thuận Hóa (1599). Từ năm 1600, Nguyễn Hoàng cảm thấy đã có đủ lực lượng, nên ngầm chống lại thế lực của họ Trịnh, khởi đầu cho thời đại của chúa Nguyễn tại miền Nam (Đàng Trong).
- Năm 1592, chúa Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, nhà Mạc bỏ chạy lên vùng Cao Bằng. Bắc triều coi như chấm dứt, khởi đầu cho thời mà sử sách gọi là thời *Lê Trung Hưng*. Tuy nhiên những trận chiến giữa hai thế lực Trịnh - Mạc vẫn còn tiếp diễn, đến năm 1677 mới chấm dứt sự trấn giữ vùng Việt Bắc của nhà Mạc, sau khi vua cuối của nhà Mạc là Mạc Kính Vũ chạy sang Long Châu, Quảng Tây bên Tàu.

- Năm 1627 trận chiến đầu tiên giữa hai thế lực Trịnh và Nguyễn xảy ra, khởi đầu thời “*Trịnh Nguyễn phân tranh*”. Thời gian tiếp theo đã xảy ra sáu trận chiến lớn nữa giữa hai miền nam bắc vào những năm 1633, 1635, 1648, 1655-1660, 1661-1662, trận thứ bảy năm 1672. Ngoài ra còn có những trận đánh nhỏ. Tổng cộng thời gian chiến tranh giữa hai họ Trịnh và Nguyễn là 46 năm. Sau thời gian này không có cuộc chiến lớn nào giữa hai miền nam bắc.
- Bắc Hà thời Lê Dụ Tông, khi Trịnh Cương cầm quyền (1709-1729) đã có được một thời gian yên ổn không giặc giã. Từ khi Trịnh Giang (1729 - 1740) lên cầm quyền thì chính sự trở nên thối nát, dân chúng lầm than do những cảnh lụt lội vì vỡ đê, mùa màng bị tàn phá, đói khổ, giặc giã nổi lên. Thời gian này đã xảy ra chính biến của hoàng thân Lê Duy Mật (1738-1770) với ý định lật đổ họ Trịnh. Duy Mật đã lập được một lực riêng để chống lại họ Trịnh từ đời Trịnh Doanh đến Trịnh Sâm.
- Trịnh Giang chết, Trịnh Doanh lên kế vị, dưới thời ông cầm quyền (1740-1767), tình hình được sáng sủa hơn đôi chút. Tuy nhiên đã xảy ra cuộc nổi dậy lớn của Nguyễn Danh Phương (1740-1751), Nguyễn Hữu Cầu (1743-1751) và Hoàng Công Chất (1739-1769).
- Trịnh Doanh mất Trịnh Sâm lên kế vị (1767), ông phải tiếp tục lo đánh dẹp các cuộc nổi dậy và đã dẹp yên.
- Sau một thời gian dài cả trăm năm không có chiến tranh với miền nam, năm 1774 chúa Trịnh Sâm lại sai tướng Hoàng Ngũ Phúc mang quân xuống đánh miền nam, với lý do để diệt quyền thần Trương Phúc Loan đang thao túng họ Nguyễn. Sau đó đã chiếm đất Thuận Hóa của chúa Nguyễn.
- Năm 1775, quân Trịnh lại đối đầu với quân của Tây Sơn, do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ mới nổi dậy vài năm (1771). Tây Sơn vì đang lo phải đối đầu với họ Nguyễn, nhưng bị sức ép cả hai đầu nên xin giảng hòa với họ Trịnh và xin được cử đi đánh họ Nguyễn, quân Trịnh rút về bắc. Tây Sơn chiến thắng nhiều lần và họ Nguyễn suy vong, chỉ còn người cháu của Định Vương Nguyễn Phúc Thuần là Nguyễn Ánh chạy thoát để sau này trở thành kinh địch của nhà Tây Sơn.
- Trịnh Sâm chết (1782), Trịnh Cán là con thứ, mới 6 tuổi lên kế vị chưa được hai tháng thì bị anh là Trịnh Khải (cũng được gọi là Trịnh Tông) chiếm vị.
- Năm 1786, Nguyễn Nhạc cử em là Nguyễn Huệ chiếm Phú Xuân. Do Nguyễn Hữu Chỉnh thuyết phục, dù không có lệnh của Nguyễn Nhạc, nhưng Nguyễn Huệ đã mang quân ra bắc diệt họ Trịnh, với chiêu bài “Phù Lê diệt Trịnh”. Quân Trịnh thua, Trịnh Khải tự tử, thế lực họ Trịnh đến đây là chấm dứt. Nguyễn Huệ sau đó rút lại về Phú Xuân. Năm 1787, anh em bắt hoà, Nguyễn Huệ đưa quân vây Nguyễn Nhạc, rồi lại giảng hòa và Nguyễn Huệ tự cai quản từ Phú Xuân trở lên phía bắc. Năm 1787, ở miền bắc, Nguyễn Hữu Chỉnh chống lại Tây Sơn, Nguyễn Huệ cử Vũ Văn Nhậm ra bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Năm 1788, sau khi diệt được

Chỉnh, Nhậm chuyên quyền và có ý chống lại Tây Sơn, nên Nguyễn Huệ lại đưa quân ra bắc giết Vũ Văn Nhậm, sau đó về lại Phú Xuân.

- Cuối năm 1788, quân Thanh sang xâm lăng Việt Nam. Nguyễn Huệ lên ngôi và lấy niên hiệu là Quang Trung và một lần nữa mang quân ra bắc dẹp giặc. Quân Thanh bại trận rút về Tàu, nhà vua về lại Phú Xuân và mất năm 1792. Sau khi vua Quang Trung băng hà, con là Quang Toản lên kế vị với niên hiệu là Cảnh Thịnh và nhà Tây Sơn bắt đầu suy vong.

- Năm 1793, Nguyễn Ánh đã tạo được lực lượng khá mạnh và tấn công vua Thái Đức là Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, Nhạc cầu cứu Phú Xuân, vua Quang Toản nhân cơ hội chiếm Quy Nhơn. Vua Thái Đức đang bệnh biết được sự thế bèn uất ức thổ máu chết. Nội bộ Tây Sơn lại có mâu thuẫn và rạn nứt nên nhân dịp này Nguyễn Ánh chiếm Quy Nhơn (1800), Tây Sơn cố mang quân chiếm lại. Năm 1801, thấy gần như toàn bộ quân lực của Tây Sơn tập trung ở Quy Nhơn, Nguyễn Ánh bèn đánh Phú Xuân. Quang Toản thua bỏ chạy ra miền bắc và Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Gia Long.

- Năm 1802, vua Gia Long chiếm Thăng Long, Quang Toản bị bắt, nhà Tây Sơn diệt vong, Việt Nam thống nhất.

2- Sơ lược các biến cố tại miền bắc Việt Nam thời nhà Nguyễn (1802 - 1883)

Dù chủ đề viết về vùng Việt Bắc, nhưng các biến cố đã có nhiều liên quan đến nhau trên toàn miền Bắc; vì thế những sự liên quan đến các cuộc nổi dậy này cũng sẽ được đề cập qua một cách sơ lược.

Từ khi Trịnh Giang nắm quyền (1729), đến khi vua Gia Long thống nhất đất nước (1802), tại Bắc Hà (Đàng Ngoài) đã xảy ra chiến tranh nhiều lần, vì thế nhân số đã bị hao hụt, sự sản xuất yếu kém. Kể từ khi nhà Nguyễn làm vua, tại miền Bắc loạn lạc đã xảy ra rất nhiều, dân tình rất khổ sở, một số đông vẫn còn tiếc nuôi triều đại cũ, vì thế các vụ nổi dậy cũng như cướp bóc đã bùng lên dữ dội.

Nếu phỏng theo Đại Nam Thực Lục, thì trong bốn đời vua đầu nhà Nguyễn tại miền bắc có đến gần 400 cuộc nổi dậy cũng như các toán cướp thành lập. Thời Gia Long (18 năm) đã xảy ra khoảng 50 vụ, thời Minh Mạng (20 năm) xảy ra khoảng 250 vụ, thời Thiệu Trị (7 năm) với khoảng 60 và thời Tự Đức (36 năm) có khoảng 40 vụ. Các biến cố này có thể tạm phân chia thành hai loại như sau:

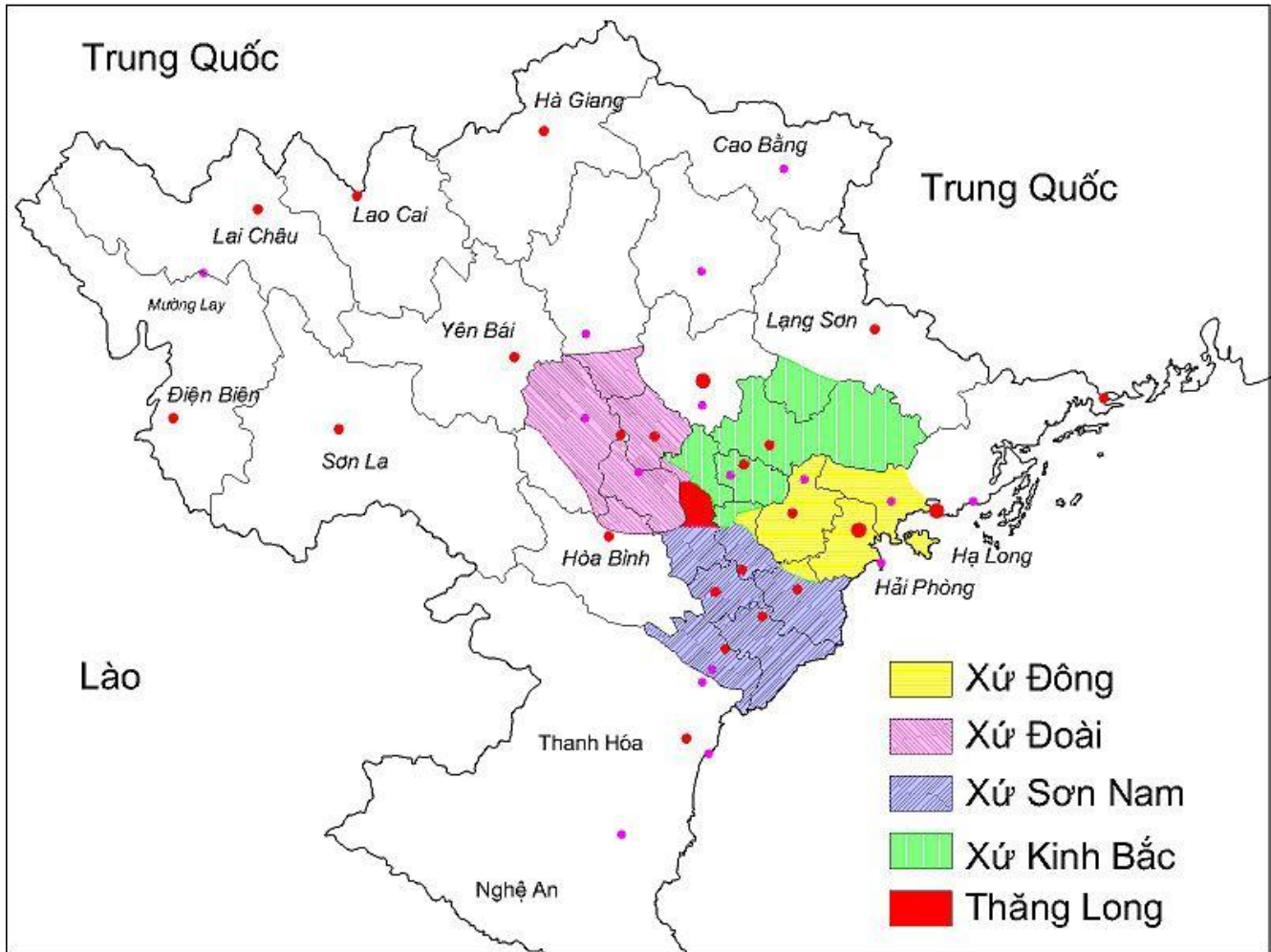
- Sự nổi dậy để phục hồi triều đại cũ.
- Sự nổi dậy để chống lại chính sách cai trị.
- Thổ phỉ, Thanh phỉ và hải phỉ.

Ghi chú:

Các chữ viết tắt từ sách tham khảo sẽ được viết theo cách thức sau

Tên sách tham khảo – Tập – Quyển - Trang

Thí dụ: ĐNTL - 1-10- 500: Đại Nam Thực Lục - Tập 1- Quyển 10- Trang 500



<http://upload.wikimedia.org/wikipedia/vi/thumb/b/b0/Tutranthanglong.jpg/800px-Tutranthanglong.jpg>

Vị trí 4 xứ quanh Thăng Long (được đặt ra bởi vua Lê Thánh Tông năm 1490)

a- Sự nổi dậy để phục hồi triều đại cũ.

- Cuộc nổi dậy của Mạc Xán Vi (1806) ⁴⁴

Mạc Xán Vi là cháu đời thứ 9 của Mạc Nguyên Thanh ⁴⁵ xưng làm vua, lấy niên hiệu là Cảnh Xuân, hợp với một người Trung Hoa là Tăng Khôi Nguyên (phong làm hộ giá), nổi dậy ở Lạng Sơn, vùng ải Du Thôn ⁴⁶. Tuy nhiên cuộc nổi dậy đã bị dẹp ngay sau đó, Mạc Xán Vi và Tăng Khôi Nguyên đều bị bắt và bị xử tử.

- Cuộc nổi dậy của Lê Duy Hoán (1816)

Ngay từ khi vua Gia Long vừa lên ngôi, để lấy lòng hậu duệ của nhà Lê cũng như con cháu chúa Trịnh và đề phòng sự nổi dậy, ông “*cấp ruộng thờ cho họ Trịnh, sai Trịnh Tư coi giữ việc thờ cúng Cho con cháu các công thần khai quốc và trung hưng đời Lê trước được nhiều ăm. Các chi họ Lê đều được miễn binh đao và thân thuế*” (ĐNTL). Tuy nhiên những việc này đã không cản trở được sự hoài vọng để phục hồi triều đại cũ.

Lê Duy Hoán là con Lê Duy Chi ⁴⁷, được vua Gia Long phong là Diễn Tự công, nhưng có người dưới quyền là Đỗ Danh Hoàn dụ nổi dậy, lấy cớ là có “*câu sấm “Phá điền thiên tử xuất”*”. *Phá điền tức là chửi thân. Duy Hoán do đó mà mê hoặc. Hoàn bèn giới thiệu người đảng là Đặng Đình Thạch làm mưu chủ, suy tôn Duy Hoán làm Trinh nguyên hội chủ, xưng là vua Lê, uống máu ăn thề. Duy Hoán sai Thạch về Bắc Thành, chiêu tập những bọn giặc cướp, tụ đảng ở Kinh Bắc. Đội trưởng Nguyễn Đức và Hà Viên tố cáo với Thành. Thành thân đem quân vây bắt, được rõ sự trạng, mật báo cho Thanh Hoa, xét đến Duy Hoán, bắt hết được cả văn thư đồ đảng và ấn tín tâu lên*” (ĐNTL). Lê Duy Hoán bị bắt giải về kinh (Huế) và bị giam, nhưng chưa bị hành hình. Nhân có việc Nguyễn Văn Thuyên là con của đại thần Nguyễn Văn Thành đã từng làm tổng trấn Bắc Thành làm bài thơ có khẩu khí bị coi là ngông cuồng ⁴⁸, bị khép vào tội mưu phản và bị các quan khai là có thông đồng với Lê Duy Hoán, nên Nguyễn Văn Thành phải uống thuốc độc tự tử, cả hai người là “*Duy Hoán và Văn Thuyên đều bị xử lăng trì*” (ĐNTL).

Cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương (1832 - 1833)

Sau khi Lê Duy Hoán nổi dậy bị bắt rồi bị giết, người con thứ, 3 tuổi của ông được một người thủ hạ là Lê Duy Nhiên ⁴⁹ mang đi trốn về Sơn Âm, nơi có bản lớn của người Mường, do thổ ty họ Quách cai quản và trấn giữ đồn Chi Nê ⁵⁰. Lê Duy Lương được anh em họ Quách là “*Quách Tất Công và anh em Quách Tất Tại, cùng em nhà chú là Quách Tất Tế, cháu là Quách Tất Nham*” che chở và nuôi dưỡng ⁵¹ trong vòng bí mật. Họ Quách vốn làm quan lang theo

cách cha truyền con nối. Từ khi vua Minh Mạng hủy bỏ cách thức thế tập (thừa kế) và đặt chức lưu quan, các thổ ty lo ngại quyền lợi bị tước đoạt nên đã có ý tìm “minh chủ” để nổi dậy.

Lê Duy Lương và họ Quách tìm cách gây thêm thế lực, nên đã gửi thư cho Trần Tứ và Đỗ Bảo ở phủ Trấn Ninh tỉnh Nghệ An để hợp nhau nổi dậy. Tháng 2 năm 1832, khi vừa nhận được thư, Trần Tứ và Đỗ Bảo cùng lính ở đây (200 người) giết cai đội, đốt đồn, cướp vũ khí và tìm đường ra bắc đến Ninh Bình. Tuy nhiên đã bị Tổng Đốc Tạ Quang Cự sai quân chặn bắt gần hết⁵². Qua sự việc xảy ra, vua Minh Mạng liền ra lệnh tìm bắt Lê Duy Lương và anh em họ Quách một cách gay gắt, nhưng tất cả đều bỏ trốn và cuộc săn lùng không có kết quả.

Tháng 3 năm 1833, Lê Duy Lương được suy tôn làm minh chủ, xưng là hoàng tôn nhà Lê, đúc ấn, đặt chức quan cho anh em họ Quách và Lê Duy Nhiên. Nhóm nổi dậy hợp sức với hàng ngàn quân của thổ ty họ Đinh ở xã Thạch Bi⁵³ tấn công và chiếm đồn Chi Nê và các huyện phía nam tỉnh Hoà Bình, đánh phủ thành Thiên Quan⁵⁴ nhưng không chiếm được, vây thành Hưng Hóa⁵⁵, phá đồn Quỳnh Lâm⁵⁶. Quân nổi dậy lại hợp với quân của Nguyễn Văn Nhân, Lê Văn Bột⁵⁷ (Ba Nhân – Tiền Bột) ở Đà Bắc⁵⁸, vùng phía nam tỉnh Phú Thọ ngày nay. Lực lượng nổi dậy tấn công phủ Lâm Thao⁵⁹ tỉnh Sơn Tây, đánh đồn Trấn Hà, đồn Bách Lãm, ...

Tình hình trở nên nghiêm trọng, vua Minh Mạng sai Tổng đốc quân vụ đạo Ninh Bình mang đại quân cùng với voi trận đến phản công. Với lực lượng hùng hậu của quân triều đình, quân nổi dậy phải bỏ các nơi chiếm đóng và rút về Thạch Bi và Sơn Âm. Sau đó nhà vua lại cử thêm quân để bao vây Sơn Âm là căn cứ chính yếu của quân nổi dậy. Tháng 6 năm 1833, cuộc nổi dậy bị thất bại, anh em họ Quách và họ Đinh cùng Nguyễn Văn Nhân và Lê Văn Bột trốn thoát, tuy nhiên Lê Duy Lương và Lê Duy Nhiên bị bắt và giải về kinh, sau đó bị xử tử với hình phạt lăng trì⁶⁰.

Cuộc nổi dậy của Lê Duy Hiến (1836 - 1838)

Dù Lê Duy Lương đã chết nhưng anh em họ Quách và họ Đinh vẫn không bỏ cuộc. Anh em họ Quách “là Quách Tất Công, Quách Tất Tại lên nuôi con cháu nhà Lê là Lê Duy Hiến, , suy tôn làm minh chủ (Duy Hiến là con Lê Duy Trạch. Từ khi nghịch phạm Lê Duy Lương bị giết, Hiến nhân người Bắc Ninh là Hoàng Đồng Nguyệt dẫn đưa, vào Sơn Âm, xưng là Đại Lê hoàng thân Hiến công, Đồng Nguyệt xưng là nguy Quốc sư)” (ĐNTL). Nhóm này cũng đúc ấn, đặt quan chức, liên lạc với các bản người Mường ở huyện Quan Hóa, Cẩm Thủy, Lang Chánh ở phía bắc tỉnh Thanh Hóa đã cùng nhau nổi dậy vào tháng 10 năm 1836. Quân nổi dậy chiếm được nhiều chỗ ở Thanh Hóa và thế lực lan đến cả đến hai tỉnh kế cận là Ninh Bình và Nghệ An.

Biết được tin, vua Minh Mạng lập tức sai Kinh lược phó sứ Nguyễn Đăng Giai tiến quân đến Quan Hóa⁶¹, rồi Kinh lược Tạ Quang Cự và Tham tán Hà Duy Phiên mang quân đi đánh vào căn cứ chính của quân nổi dậy là Sơn Âm (Ninh Bình)⁶². Tháng 3 năm 1837, quân triều đình

chiến thắng quân nổi dậy, bắt được Lê Duy Hiên, Quách Tất Công, Quách Tất Tại⁶³, cuộc nổi dậy tan rã.

Vì các cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương, Lê Duy Hiên đều phát xuất từ xã Sơn Âm nên vua Minh Mạng “*tước tên xã Sơn Âm, dời dân xã ấy cả thảy 133 người ra ở các xã duyên hải tỉnh Ninh Bình, mà phải quản thúc một cách rất nghiêm, còn ruộng đất Sơn Âm thời cấp cho các xã lân cận nhận lãnh cày và ở Dời con cháu nhà Lê vào Tả trực kỳ tự Quảng Nam trở vào 3*⁶⁴ *tỉnh trong, cho ở mỗi huyện 15 người, mỗi người một cấp 10 quan tiền, 1 mẫu ruộng công.*”⁶⁵.

Dù các sự vùng lên của hậu duệ nhà Lê đều bị thất bại, nhưng tiếng vang đã để lại khá lâu, vì thế một số những cuộc nổi dậy sau này, đã mượn tiếng là con cháu nhà Lê, để nổi lên chống lại nhà Nguyễn như Lê Duy Cự, Lê Duy Phụng (Tạ Văn Phụng) thời vua Tự Đức.

b - Sự nổi dậy để chống lại chính sách cai trị.

- Cuộc nổi dậy của Phan Bá Vành (1821?, 1826? -1827)

Tại vùng trung du Bắc Việt, sau cuộc nội chiến, đầu thời nhà Nguyễn đã có nhiều lần võ đê gây lụt lội, hạn hán gây mất mùa, vì thế nạn đói đã tràn lan, dân chúng xiêu tán. Rồi có những quan lại hà hiếp, bóc lột dân, vì thế nổi dậy để phản kháng là điều khó tránh khỏi. Phan Bá Vành là người đứng dậy, làm lãnh đạo. Ông tụ họp những người dân bị đói khổ, bị hà hiếp nổi lên để chống lại nhà Nguyễn ở xứ Sơn Nam, việc này đã gây cho triều đình nhiều khó khăn cũng như tổn thất trong việc đánh dẹp.

Phan Bá Vành thường gọi là Ba Vành, người làng Minh Giám, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình⁶⁶, không rõ năm sinh. Phan Bá Vành khỏe mạnh, giỏi võ có tài ném lao. Theo *Trà Lũ Xã Chí* (TLXC) thì Phan Bá Vành đã khởi sự lập căn cứ ở xã Trà Lũ từ năm 1821⁶⁷.

Sử nhà Nguyễn chỉ nói đến cuộc nổi dậy từ tháng 2 năm 1826, khi Phan Bá Vành đánh chiếm đồn Trà Lý và Lân Hải. Quan Trấn thủ Nam Định là Lê Mậu Cúc mang quân tới để đánh dẹp bị tử trận⁶⁸ và quân triều đình bỏ chạy. “*Quan Bắc Thành nghe báo, lập tức sai Thống chế quản lý biên binh là Trương Phúc Đăng thân đem binh thuyền thủy bộ đi đuổi bắt*” (ĐNTL). Quân nổi dậy thua to, Trương Phúc Đăng ủy cho Thống quản thập cơ Phạm Văn Lý tiếp tục truy lùng. Phạm Văn Lý bắt được và giết một tướng của Phan Bá Vành là Vũ Đức Cát.

Tháng 12 năm 1826, Phan Bá Vành và Nguyễn Hạnh⁶⁹ lại “*tụ họp hơn 5.000 người, quấy rối các huyện Tiên Minh, Nghi Dương trấn Hải Dương*⁷⁰, *lại liên kết với giặc Thanh để cướp bóc ngoài biển, chống nhau với quan quân. Trấn thủ Nguyễn Đăng Huyền đánh không nổi.*” (ĐNTL). Vua Minh Mạng cử Trấn thủ Nghệ An Trương Văn Minh cùng với tổng trấn Nguyễn Hữu Thân cùng coi về việc binh ở Bắc thành⁷¹, sau đó lại điều động hết các lực lượng ở Bắc thành, Thanh Hóa và Nghệ An, lại thêm quân từ Huế ra (1000 quân và 4 con voi) để chuẩn bị tấn công quân nổi dậy. Nhà vua còn cử thêm Tham hiệp Thanh Hóa Nguyễn Công Trứ, Tham hiệp Nghệ An Nguyễn Đức Nhuận và 18 chiến thuyền đến trấn Hải Dương để tham chiến.

Có quân tiếp viện Trần thủ Hải Dương Nguyễn Đăng Huyền đem quân thủy bộ đến tấn công quân nổi dậy ở Đồ Sơn, tuy nhiên quân triều đình đã bị thảm bại.

Ở Đồ Sơn, quân nổi dậy có khoảng 100 chiến thuyền, hai tướng triều đình là Chương cơ Phạm Văn Lý và Vệ úy Nguyễn Văn Phong mang chiến thuyền tới, nhưng Phan Bá Vành đã rút lui về Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Phạm Văn Lý đuổi theo và đánh tan quân nổi dậy ở Tam Giang.

Không bỏ cuộc, “*Phan Bá Vành lại họp đảng ở Thiên Trường và Kiến Xương*” (ĐNTL).

Tháng Giêng (A.L) Phan Bá Vành mang 5000 quân tới tấn công phủ Kiến Xương, tuy nhiên đã bị Nguyễn Công Trứ, Phan Đình Bảo, Phan Bá Hùng chia đường tiên đánh, quân nổi dậy tan vỡ⁷².

Tuy thua trận, nhưng Phan Bá Vành lại thu thập quân “*ngăn chặn các đường thủy bộ ở huyện Thư Trì . Phạm Văn Lý đem thủy binh đánh tan giặc ở sông Bồng Điền. Vành đem quân vây Phạm Đình Bảo ở Chợ Quán. Lý bèn cùng Nguyễn Công Trứ chia quân ba đường đến cứu. Ngoài đánh vào, trong đánh ra, đảng giặc tan vỡ. Vành chạy đóng ở xã Trà Lũ (thuộc huyện Giao Thủy). Đảng giặc còn hơn 2.000 người, đắp lũy đào hào, làm kế cố giữ đến chết.*” (ĐNTL).

Quan binh triều đình vây quanh Trà Lũ. Vì bị vây nhiều tuần, thiếu lương thực, nên Phan Bá Vành cho đào sông để thông với bến Ngô Đồng mong tìm đường ra biển. Tuy nhiên sông không đủ sâu, đoàn thuyền mắc cạn, lại bị quân triều đình tấn công ráo riết, nên quân nổi dậy bị chết cũng như bị bắt rất nhiều. Phan Bá Vành bị thương, bị bắt sống rồi tự tử chết: “*Vành bị thương chết, cắt lấy đầu và chặt thây ra đem chia treo ở các trấn Nam Định, Sơn Nam, Hải Dương. Nguyễn Văn Liễu và Vũ Viết Đảng thì đóng cũi đưa về Kinh, dùng cực hình mà giết*” (ĐNTL).

Cuộc nổi dậy của người dân do Phan Bá Vành lãnh đạo đã hoàn toàn tan rã.

Xã Trà Lũ bị “*triệt hạ gần sạch vào ngày 15 tháng 2 năm Đinh Hợi 1827*” (TLXK).

[Dân chúng phải xiêu tán đi nơi khác. Hơn nửa dân số bị bắt đi theo ông Nguyễn Công Trứ khai hoang để lập ra hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải ở Ninh Bình .

Năm 1833, triều đình ra dụ tha tội cho dân Trà Lũ, dân xiêu tán một số trở về. Hai mươi năm sau, Trà Lũ hồi sinh.

Đến nay dân Trà Lũ vẫn còn câu “ca dao” :

“ *Trời mà phù hộ ông Vành*

Ba thôn Trà Lũ trở thành quan to

Ông trời không phù hộ cho

*Ba thôn Trà Lũ thành tro thành bùn”]*⁷³

Cuộc nổi dậy của Phan Bá Vành dù thất bại, nhưng đã gây được tiếng vang rất lớn và đã ảnh hưởng đến những cuộc vùng dậy của người dân sau này. Để chống lại chính sách cai trị hà khắc của nhà Nguyễn ,các cuộc nổi dậy khác sẽ xảy ra, như của Lê Văn Khôi tại miền Vam, Nông Văn Vân tại vùng Việt Bắc, Tạ Văn Phụng tại vịnh Bắc Việt, v.v...

Chỉ khi nào người dân được an cư lạc nghiệp, có quyền sống của con người thì mới không có sự chống đối. Lịch sử đã chứng minh điều này và lịch sử sẽ tái diễn!

(Còn tiếp)

⁴³ Ngoại trừ việc vua Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành và Bôn Man ở miền Trung

⁴⁴ ĐNTL-1-53-983

⁴⁵ KĐVSTGCM: : "*Năm trước quan quân đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ tức Nguyên Thanh*".

⁴⁶ Ải Du Thôn cũng gọi là ải Du, nay ở xã Bảo Lâm, quận Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Ải này cách ải Nam Quan khoảng 10 Km về hướng đông bắc.

⁴⁷ Lê Duy Chi là em của Lê Duy Khiêm (cũng là Lê Duy Kỳ, hay Lê Chiêu Thống), cháu nội của vua Lê Hiến Tông (1717 – 1786)

⁴⁸ Đây là bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú với hai câu cuối : "*Thư hỏi được đắc Sơn trung tế, tá ngã kinh-luân chuyển hóa kỳ*" (Sơn tế phen này dù gặp gỡ, giúp nhau xoay-đổi hội cơ này), bị cho là có ý làm phản .

⁴⁹ ĐNTL-3-64-509: "*Lê Duy Nhiên (người huyện Ngọc Sơn, Thanh Hoa, họ Đỗ, tên Trọng Xuyên, trước làm người nhà Lê Duy Hoán mạo xưng là Lê Duy Nhiên)*".

⁵⁰ Sơn Âm ở phía tây bắc tỉnh Ninh Bình thời Nguyễn, nay thuộc quận Lạc Thủy tỉnh Hoà Bình. Chi Nê nay là tên thị trấn của huyện Lạc Thủy.

⁵¹ ĐNTL-3-64-509

⁵² ĐNTL-3-44-285

⁵³ ĐNTL-3-64-522 : "*Lê Duy Nhiên liên kết với bọn Đinh Thế Đức, Đinh Thế Sảng, Đinh Công Trính, Quách Công Tiến ở xã Thạch Bi (tên xã thuộc huyện Lạc Thổ)*". Thạch Bi nay thuộc quận Lạc Thủy tỉnh Hoà Bình.

⁵⁴ Phủ thành Thiên Quan thuộc quận Nho Quan, tỉnh Ninh Bình ngày nay.

⁵⁵ Thành Hưng Hóa ở xã Hương Môn, kẻ đằm Nậu (Dị Nậu), quận Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày nay.

-
- 56 Nay thuộc xã Bản Nguyên, quận Lâm Thao tỉnh Phú Thọ.
- 57 ĐNTL-3-64-522 : “*Nguyễn Văn Nhân, Lê Văn Bột, tụ tập bọn dân thổ, dân đói đến hơn 2.000 người, liên kết với đảng giặc ở Đà Bắc lên lút nổi lên ở sách Cự Đồng (thuộc huyện Thanh Xuyên)*”, Cự Đồng nay là tên xã, thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- 58 Địa danh Đà Bắc nay vẫn còn: Thị trấn Đà Bắc nằm trong quận Đà Bắc, thuộc tỉnh Hòa Bình (phía tây bắc, kế tỉnh Phú Thọ), nơi sông Đà đổi hướng từ phía tây - nam sang hướng nam – bắc.
- 59 Nay là thị trấn Lâm Thao, thuộc quận Lâm Thao tỉnh Phú Thọ.
- 60 ĐNTL-3-64-631, 632
- 61 ĐNTL – 5- 178- 32
- 62 ĐNTL – 5- 178- 34
- 63 ĐNTL – 5- 178- 74, 75
- 64 Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.
- 65 *Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu* của Cao Xuân Dục.
- 66 Theo *Trà Lũ Xã Chí* của cụ Nhĩ Khê Lê Văn Nhung (1915).
Làng Minh Giám nay là làng Nguyệt Giám, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
- 67 Nay là 3 xã Xuân Bắc, Xuân Phương và Xuân Trung, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.
TLXC: “*Xã ta có nhiều người giỏi võ đi theo Ba Vành như Nguyễn Hổ, Trần Văn Đáng tức Hai Đáng, Trần Bất Hựu, Trần Văn đã bí mật đưa quân Phan Bá Vành về đóng ở Trà Lũ, Phú Nhai, làm căn cứ chống lại quan quân nhà Nguyễn. Thế lực Ba Vành rất mạnh (1821 – 1826)*”.
- 68 ĐNTL -2- 37 – 492
- 69 Việt Sử Tân Biên quyển 4, trang 344 của sử gia Phạm Văn Sơn cho biết Nguyễn Hạnh là một tướng của Tây Sơn lúc trước.
- 70 Huyện Tiên Minh nay là huyện Tiên Lãng tỉnh Hải Phòng. Huyện Nghi Dương nay là huyện Kiến An, Kiến Thụy và thị trấn Đồ Sơn thuộc tỉnh Hải Phòng (Wikipedia).
- 71 ĐNTL – 2 – 42 -
- 72 ĐNTL -2- 43 - 587
- 73 Phỏng theo những ghi chép trong phả hệ “TRẦN TỘC KIM CHÍNH - KIM SƠN - NINH BÌNH - NGHĨA HÙNG NAM ĐỊNH” (nguồn:
<http://www.phahe.vn/FamilyTree/Pages/ViewFunctionContent.aspx?id=2123&FamilyTreeID=4721>)